

NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC NHÓM CỦA SINH VIÊN TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC” TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

PHẠM THỊ TRÚC
NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
Trường Đại học Hoa Lư

Nhận bài ngày 30/6/2026. Sửa chữa xong 02/8/2026. Duyệt đăng 07/8/2026.

Abstract

In accordance with the learner-centered approach, credit-based education aims to foster students' autonomy, initiative, and active engagement in the learning process. Teamwork is an important learning method that promotes creativity, independent thinking, collaboration, and collective responsibility among students. This study examines the current state of teamwork among students majoring in Primary Education at Hoa Lu University. Based on the findings, it proposes several measures to enhance students' teamwork effectiveness in the Primary Education Pedagogy course, thereby contributing to improved teaching and learning quality.

Keywords: Effectiveness, Hoa Lu University, learning methods, Primary Education pedagogy, teamwork.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học ngày càng chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học, trong đó nhấn mạnh các năng lực tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề. “Dạy học hiện đại sẽ phát triển theo xu thế tăng cường sự tương tác, hợp tác và cạnh tranh, tham gia và chia sẻ” (Đặng Thành Hưng, 2002). Theo đó, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và vai trò trung tâm của sinh viên (SV) được xác định là một yêu cầu quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần *Giáo dục học tiểu học* là học phần cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học tại Trường Đại học Hoa Lư. Học phần cung cấp hững kiến thức nền tảng về lý luận dạy học và lý luận giáo dục tiểu học, đồng thời hướng tới phát triển kỹ năng làm việc nhóm (LVN), tự học và tự nghiên cứu cho SV. Đây là những năng lực cần thiết giúp SV vận dụng kiến thức vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường tiểu học. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy một bộ phận SV vẫn còn thói quen học tập thụ động, kỹ năng phối hợp trong hoạt động nhóm còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu kiến thức và việc hình thành các năng lực nghề nghiệp cần thiết. Vì vậy, việc nghiên cứu các biện pháp nâng cao hiệu quả LVN của SV trong giảng dạy học phần *Giáo dục học tiểu học* tại Trường Đại học Hoa Lư là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về làm việc nhóm

2.1.1. Khái niệm

Trong bối cảnh hiện nay, LVN đã trở thành xu hướng phổ biến và được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau. LVN là cách thức làm việc có nhiều người cùng thực hiện chung một nhiệm vụ, trong đó các thành viên cùng phối hợp chặt chẽ với nhau để giải quyết vấn đề công việc cụ thể nhằm hướng đến một mục tiêu chung, kết quả của nhóm là sản phẩm của trí tuệ tập thể (Đỗ Mạnh Cường, Đỗ Thị Mỹ Trang, 2016).

Theo Scarnati (2001), LVN là “Một quá trình hợp tác cho phép những người bình thường đạt được

Email: pttruc@hluv.edu.vn, ntmngoc@hluv.edu.vn

những kết quả vượt trội”. Quan niệm này nhấn mạnh vai trò của sự phối hợp và cộng hưởng giữa các thành viên trong việc nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chung. Còn Kozlowski và Ilgen (2006) cho rằng một nhóm hiệu quả là tập hợp các cá nhân có mục tiêu chung, có sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Có thể khái quát rằng, LVN là hình thức tổ chức học tập, trong đó các thành viên phối hợp, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành một nhiệm vụ chung. Thông qua quá trình trao đổi, thảo luận và thống nhất ý kiến, nhóm tạo ra sản phẩm học tập mang tính tập thể, thể hiện sự kết hợp tri thức, kinh nghiệm và năng lực của các thành viên tham gia.

2.1.2. Lợi ích của việc học nhóm

“Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của SV là yêu cầu cấp thiết, giúp người học phát triển tính tự lực trong quá trình chiếm lĩnh tri thức” (Nguyễn Ngọc Bảo, 1995). Học tập theo nhóm góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của người học trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, giúp SV hình thành năng lực tự học, tự quản lý công việc và nâng cao tinh thần trách nhiệm. Thực tế cho thấy “Làm việc nhóm nếu được SV thực hiện tốt sẽ phát huy tính tích cực, trách nhiệm, giúp SV lĩnh hội tốt kiến thức và hình thành kỹ năng, phát triển năng lực cộng tác làm việc, chia sẻ và tư duy phản biện” (Nguyễn Thái Dư, Nguyễn Thị Lan Uyên, 2024). Thông qua việc cùng nhau trao đổi, phối hợp và làm việc với các thành viên trong nhóm, SV có thể rèn luyện kỹ năng LVN, giao tiếp và xử lý các vấn đề đặt ra. Khi trình bày và bảo vệ kết quả thảo luận, SV có thêm cơ hội rèn luyện cách diễn đạt, kỹ năng thuyết trình và sự tự tin khi đứng trước tập thể.

Theo Johnson, D. W., Johnson, R. T. và Holubec, E. J. (1990), học tập hợp tác tạo ra môi trường để người học cùng trao đổi, thảo luận và hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập. Khi làm việc cùng nhau, người học có điều kiện suy nghĩ sâu hơn, hiểu rõ hơn nội dung bài học, ghi nhớ kiến thức tốt hơn và có thêm hứng thú trong học tập.... Bên cạnh đó, quá trình làm việc chung cũng giúp các thành viên biết tôn trọng ý kiến của nhau, có trách nhiệm hơn với công việc được giao và xây dựng mối quan hệ tốt với các thành viên trong nhóm.

Trong quá trình hợp tác, mỗi thành viên có thể chia sẻ ý kiến, nêu cách nhìn nhận vấn đề của mình và cùng nhóm tìm cách giải quyết nhiệm vụ chung. Qua đó, SV không chỉ hình thành tinh thần làm việc tập thể mà còn có cơ hội rèn luyện khả năng suy nghĩ độc lập, trao đổi và phản biện ý kiến. Việc thường xuyên trao đổi với bạn bè cũng giúp SV mạnh dạn hơn trong giao tiếp và biết cách trình bày suy nghĩ của mình. Ngoài ra, hoạt động nhóm còn giúp các thành viên cùng trao đổi, thảo luận và kiểm tra, đối chiếu những thông tin liên quan đến vấn đề đang nghiên cứu. Nhờ vậy, SV có thể học hỏi thêm từ bạn bè, bổ sung những kiến thức còn thiếu và có cách nhìn đầy đủ hơn về nội dung học tập. Đây cũng là dịp để SV rèn luyện những kỹ năng cần thiết như giao tiếp, phối hợp công việc, giải quyết vấn đề, thuyết trình và sắp xếp công việc trong quá trình học tập...

2.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của làm việc theo nhóm

Hiệu quả LVN được thể hiện trước hết ở tinh thần trách nhiệm và sự tham gia của từng thành viên trong nhóm. Mỗi thành viên cần chủ động thực hiện phần việc của mình, đồng thời phối hợp với các thành viên khác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Trong quá trình làm việc, nếu có những ý kiến khác nhau, các thành viên cần trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất. Những ý kiến khác biệt, nếu được trao đổi trên tinh thần xây dựng cũng có thể giúp nhóm có thêm cách nhìn và lựa chọn được phương án phù hợp hơn.

Hiệu quả của nhóm còn thể hiện ở sự trao đổi thông tin, mức độ tham gia của các thành viên và cách phân công công việc. Khi công việc được giao phù hợp với khả năng của từng người, mỗi thành viên sẽ có điều kiện phát huy vai trò của mình và đóng góp tốt hơn vào kết quả chung. Theo Nguyễn Văn Cường và Meier (2014), hiệu quả của học tập hợp tác được thể hiện qua sự tham gia của các thành viên, trách nhiệm cá nhân, sự hỗ trợ lẫn nhau và khả năng hoàn thành mục tiêu chung của nhóm.

2.1.4. Các yếu tố tác động đến hiệu quả của nhóm làm việc

Hiệu quả LVN chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết là môi trường học tập và làm

việc, trong đó có cách tổ chức hoạt động của nhóm, sự hướng dẫn của GV và những yêu cầu về đánh giá kết quả học tập. Bên cạnh đó, mục tiêu của nhóm cần được xác định rõ ràng, phù hợp với nội dung và yêu cầu của nhiệm vụ. Nếu mục tiêu chưa rõ, các thành viên dễ thực hiện công việc theo những hướng khác nhau, từ đó ảnh hưởng đến kết quả chung.

Quy mô nhóm cũng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình làm việc. Nếu nhóm quá đông có thể gây khó khăn trong việc trao đổi và phân công nhiệm vụ, còn nếu nhóm quá ít thành viên lại hạn chế sự chia sẻ ý kiến. Vì vậy, số lượng thành viên cần được lựa chọn phù hợp với từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên của nhóm phải phù hợp với năng lực, sở trường của từng thành viên.

Ngoài ra, tinh thần đoàn kết, sự gắn bó và những quy định chung trong nhóm có vai trò duy trì sự hợp tác giữa các thành viên. Khi mỗi người có ý thức trách nhiệm và biết hỗ trợ nhau, công việc thường được thực hiện thuận lợi hơn. Vai trò của nhóm trưởng cũng rất quan trọng trong việc phân công, điều phối và theo dõi tiến độ công việc. Đồng thời, sự hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời của GV giúp nhóm xác định đúng hướng và giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Theo Nguyễn Văn Cường và Meier (2014), hiệu quả của học tập hợp tác gắn với cách tổ chức nhóm, sự tương tác giữa các thành viên, trách nhiệm của từng cá nhân và vai trò hỗ trợ của người dạy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung.

2.2. Thực trạng làm việc nhóm của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư

Để đánh giá thực trạng LVN của SV trong quá trình học tập học phần Giáo dục học tiểu học, nhóm tác giả tiến hành khảo sát 96 SV ngành Giáo dục Tiểu học đang theo học năm thứ ba tại Trường Đại học Hoa Lư trong năm học 2025-2026 (D16 GDTH). Nội dung khảo sát được tập trung vào mức độ tham gia hoạt động nhóm, kỹ năng LVN, những khó khăn gặp phải và hiệu quả học tập của hoạt động nhóm.

2.2.1. Mức độ yêu thích và tham gia làm việc nhóm của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV có thái độ tích cực đối với hoạt động học tập theo nhóm. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Mức độ yêu thích LVN của SV (n = 96)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất thích	22	22,9
Thích	46	47,9
Bình thường	22	22,9
Không thích	6	6,3
Tổng	96	100

Kết quả ở bảng 1 cho thấy có 70,8% SV lựa chọn mức độ “thích”, “rất thích” LVN. Kết quả này phản ánh SV ngành Giáo dục Tiểu học đã tích cực LVN, nhận thức được vai trò của hoạt động nhóm nhưng vẫn còn 29,2% SV lựa chọn mức độ bình thường hoặc không thích LVN. Qua trao đổi, một số SV cho rằng phân chia nhiệm vụ trong nhóm đôi khi chưa thật sự hợp lý, một số thành viên còn có tâm lý dựa vào nhóm trưởng hoặc những bạn tích cực hơn. Bên cạnh mức độ yêu thích, nghiên cứu cũng khảo sát tần suất SV tham gia các hoạt động LVN.

Bảng 2: Mức độ tham gia hoạt động nhóm trong học phần Giáo dục học tiểu học

Mức độ tham gia	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thường xuyên	34	35,4
Khá thường xuyên	39	40,6
Thỉnh thoảng	18	18,8
Hiếm khi	5	5,2
Tổng	96	100

Dữ liệu cho thấy 76,0% SV lựa chọn thường xuyên hoặc khá thường xuyên tham gia các hoạt động nhóm. Điều này khá phù hợp với đặc thù của học phần Giáo dục học tiểu học bởi có nhiều nội dung của học phần này được triển khai thông qua thảo luận, phân tích tình huống sư phạm hoặc xây dựng

kế hoạch giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn gần 1/4 số SV lựa chọn chưa thường xuyên tham gia hoạt động nhóm và còn một bộ phận SV chưa chủ động, tích cực trong học tập.

2.2.2. Mức độ tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến trong nhóm

Năng lực thảo luận, đóng góp ý kiến cũng là một tiêu chí quan trọng thể hiện hiệu quả hoạt động nhóm.

Bảng 3: Mức độ tham gia thảo luận của SV trong hoạt động nhóm

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất tích cực	12	12,5
Tích cực	31	32,3
Bình thường	38	39,6
Ít tham gia	15	15,6
Tổng	96	100

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 44,8% SV lựa chọn mức tích cực và rất tích cực tham gia thảo luận và có 55,2% SV chỉ tham gia ở mức bình thường hoặc ít tham gia thảo luận. Các số liệu này cho thấy mức độ tham gia thảo luận của SV vẫn chưa cao. Một số SV còn e ngại khi đưa ra ý kiến, chưa thật sự tự tin khi trao đổi hoặc tranh luận với các thành viên khác. Bên cạnh đó, kỹ năng phản biện và trình bày ý kiến của một bộ phận SV còn hạn chế, nhất là khi phải giải thích hoặc bảo vệ quan điểm của mình trước nhóm.

2.2.3. Những khó khăn sinh viên gặp phải khi làm việc nhóm

Để tìm hiểu rõ hơn những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả LVN, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát những khó khăn mà SV thường gặp trong quá trình LVN.

Bảng 4: Những khó khăn khi LVN của SV

Khó khăn	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Thành viên tham gia chưa đồng đều	68	70,8
Khó sắp xếp thời gian họp nhóm	61	63,5
Thiếu kỹ năng tổ chức công việc	49	51,0
Ngại trình bày ý kiến cá nhân	44	45,8
Thiếu tài liệu tham khảo	27	28,1

(Khảo sát cho phép lựa chọn nhiều phương án)

Kết quả trên cho thấy có tới 70,8% SV lựa chọn nguyên nhân ảnh hưởng đến LVN là do “thành viên tham gia chưa đồng đều”; Có 63,5% số SV xác định nguyên nhân là do “Khó sắp xếp thời gian họp nhóm”. Tìm hiểu kĩ hơn thì vấn đề khó sắp xếp thời gian là do lịch học, một số bạn đi làm thêm... Ngoài ra, có tới 51% số SV xác định nguyên nhân là do bản thân còn hạn chế về kỹ năng tổ chức công việc nhóm. Điều này cho thấy SV cần được hướng dẫn cụ thể hơn về phương pháp lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ và đánh giá kết quả hoạt động nhóm.

2.2.4. Đánh giá hiệu quả làm việc nhóm trong học phần Giáo dục học tiểu học

Để đánh giá hiệu quả LVN trong học phần Giáo dục học tiểu học, SV được yêu cầu tự nhận xét về mức độ hiệu quả của những hoạt động nhóm mà mình đã tham gia trong quá trình học tập. Qua đó, nhóm nghiên cứu có thêm cơ sở để xem xét mức độ đạt được của hoạt động nhóm và những vấn đề còn hạn chế.

Bảng 5: Đánh giá hiệu quả LVN của SV

Mức độ hiệu quả	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất hiệu quả	14	14,6
Hiệu quả	41	42,7
Bình thường	31	32,3
Chưa hiệu quả	10	10,4
Tổng	96	100

Kết quả khảo sát cho thấy có tới 57,3% SV đánh giá hoạt động nhóm ở mức hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Theo ý kiến của SV, LVN giúp các em hiểu bài rõ hơn, có thêm cơ hội trao đổi kiến thức với bạn bè,

đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp và một số kỹ năng cần thiết cho công việc sau này. Tuy vậy, vẫn có tới 42,7% SV đánh giá hiệu quả hoạt động nhóm ở mức bình thường hoặc chưa hiệu quả. Điều này cho thấy hoạt động nhóm vẫn còn một số điểm cần tiếp tục cải thiện.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy SV ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Hoa Lư (D16GDTH) có nhận thức khá tích cực về hoạt động LVN và thường xuyên tham gia các hoạt động nhóm trong học phần Giáo dục học tiểu học nhưng hiệu quả LVN chưa thật sự cao.

2.3. Đánh giá thực trạng làm việc nhóm của sinh viên trong học phần Giáo dục học tiểu học tại Trường Đại học Hoa Lư

2.3.1. Ưu điểm

Qua kết quả khảo sát có thể thấy, phần lớn SV ngành Giáo dục Tiểu học (D16GDTH) Trường Đại học Hoa Lư đã hiểu được vai trò của hoạt động LVN trong học tập học phần Giáo dục học tiểu học. Nhiều SV có thái độ khá tích cực, tham gia thảo luận, trao đổi với các bạn trong nhóm. Khi làm việc cùng nhau, các em có điều kiện tự tìm hiểu, nêu ý kiến của mình, có khi ý kiến đúng, có khi chưa đúng... nhưng qua trao đổi thì hiểu bài hơn. Đây cũng là dịp để SV rèn luyện cách giao tiếp và phối hợp với các thành viên khác.

Trong quá trình dạy học, GV đã tổ chức khá nhiều hình thức làm việc nhóm như thảo luận chuyên đề, phân tích tình huống sư phạm.... Những hoạt động này phần nào làm cho giờ học bớt đơn điệu, SV được tham gia nhiều hơn trong quá trình học tập. Qua đó, các em có thể vận dụng những kiến thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục vào những nhiệm vụ cụ thể. Có những nội dung khi học lý thuyết thấy khó nhưng khi cùng các bạn trao đổi, thảo luận thì lại dễ hiểu hơn.

Một số nhóm đã có sự phối hợp học tập, thảo luận khá tốt, các thành viên biết hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các sản phẩm như bài báo cáo, bài trình bày, sơ đồ tư duy, kế hoạch giáo dục... được chuẩn bị tương đối công phu. Mức độ đầu tư giữa các nhóm có thể chưa giống nhau nhưng nhìn chung đã cho thấy sự cố gắng của SV. Thông qua hoạt động nhóm, các em cũng có thêm cơ hội rèn luyện những kỹ năng cần thiết đối với nghề giáo viên tiểu học như giao tiếp, thuyết trình, tổ chức hoạt động tập thể.... Những kỹ năng này nếu được rèn luyện thường xuyên thì sẽ có ích cho công việc sau này.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động LVN của SV ngành Giáo dục Tiểu học (D16GDTH) Trường Đại học Hoa Lư vẫn còn một số hạn chế.

Mức độ tham gia giữa các thành viên chưa thật sự đồng đều: Có nhóm một vài bạn làm khá nhiều, từ chuẩn bị nội dung đến làm sản phẩm, trong khi một số bạn khác tham gia còn ít, đôi khi chờ các bạn trong nhóm làm rồi mới xem lại. Vì vậy, kết quả của nhóm có lúc chưa phản ánh đúng sự đóng góp của từng thành viên.

Kỹ năng LVN của một số SV ngành Giáo dục Tiểu học (D16GDTH) Trường Đại học Hoa Lư cũng còn hạn chế: Việc lập kế hoạch, chia công việc, sắp xếp thời gian hay theo dõi tiến độ nhiều khi chưa được thực hiện ngay từ đầu. Khi có vấn đề phát sinh thì nhóm mới tìm cách giải quyết nên đôi lúc khá bị động. Trong các buổi thảo luận, vẫn có SV ngại nói, ngại nêu ý kiến vì sợ nói sai hoặc chưa quen tranh luận. Do vậy, có những buổi thảo luận diễn ra nhưng việc trao đổi chưa sâu, chủ yếu vẫn là một vài bạn nói, những bạn còn lại nghe và đồng ý...

Một số nhóm còn làm bài kiểu đối phó: Việc chia sẻ kiến thức, trao đổi cách làm giữa các thành viên vì thế đôi khi chưa được coi trọng. Hoạt động tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong nhóm còn khá hình thức. Có trường hợp các thành viên đánh giá gần như giống nhau, chưa nói rõ ai làm nhiều, ai làm ít, phần việc của mỗi người như thế nào. Vì vậy, kết quả đánh giá chưa phản ánh thật đầy đủ mức độ đóng góp của từng thành viên. Ở một số nhóm, vai trò của nhóm trưởng cũng chưa được phát huy tốt. Họ còn lúng túng trong việc phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ hoặc nhắc nhở các thành viên...

Nhìn chung, những hạn chế trên cho thấy hoạt động LVN của SV ngành Giáo dục Tiểu học (D16GDTH) Trường Đại học Hoa Lư vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục khắc phục. Đây cũng là những căn cứ thực tế để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả LVN của SV trong học phần Giáo dục học tiểu học tại Trường Đại học Hoa Lư.

2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên trong giảng dạy học phần Giáo dục học tiểu học tại Trường Đại học Hoa Lư

2.4.1. Đối với nhà trường và Khoa Sư phạm Tiểu học

Để tạo môi trường học tập giúp SV phát huy tối đa tinh thần LVN, nhà trường cần có những thay đổi thiết thực hơn, đầu tiên chính là cơ sở vật chất, không thể cứ nói suông về học tập chủ động nếu thư viện điện tử còn thiếu, nguồn học liệu số nghèo nàn hay phòng ốc thì bí bách, thiếu không gian để các bạn ngồi chụm đầu thảo luận. Đường truyền Internet cũng phải ổn định, vì đây là “mạch máu” cho việc nghiên cứu và kết nối của SV thời nay.

Tiếp nối luồng tư duy này, Khoa Sư phạm Tiểu học, Trường Đại học Hoa Lư cần chủ động hơn trong việc tổ chức các buổi workshop hoặc chuyên đề chia sẻ về kỹ năng mềm. Đừng chỉ chú trọng lý thuyết suông, hãy tập trung vào cách làm việc nhóm sao cho hiệu quả, cách giao tiếp để thuyết phục hay xử lý những bất đồng... Những kỹ năng này, thực tế mà nói còn quan trọng hơn nhiều so với điểm số, bởi đó là hành trang để các em vững vàng hơn khi đứng lớp sau này.

Bên cạnh đó, việc tạo “sân chơi” cũng rất quan trọng. Thay vì ép các em học theo kiểu truyền thống, hãy khuyến khích SV tham gia vào các câu lạc bộ chuyên môn, các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm hay những dự án nghiên cứu khoa học ngay từ sớm. Khi được thực chiến trong môi trường thực tế, các em tự khắc sẽ học được cách phân chia công việc, cách lắng nghe và cách “cùng nhìn về một hướng” để hoàn thành mục tiêu. Đó chính là cách tốt nhất để rèn giũa bản lĩnh nghề nghiệp.

2.4.2. Đối với giảng viên giảng dạy học phần Giáo dục học tiểu học

Để nâng cao năng lực LVN cho SV, GV cần chuyển từ vai trò chủ yếu là truyền đạt kiến thức sang định hướng, thiết kế, tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập của các em. GV không làm thay SV mà tạo ra những điều kiện để SV phải cùng nhau suy nghĩ, trao đổi, phân công và chịu trách nhiệm về kết quả chung. Đây là điểm quan trọng, bởi nếu hoạt động nhóm chỉ dừng ở việc “chia phần việc” rồi ghép lại thành một sản phẩm thì rất khó hình thành năng lực LVN thực chất.

Trước hết, cần đổi mới cách thức tổ chức hoạt động nhóm theo hướng mỗi nhiệm vụ đều có mục tiêu rõ ràng và yêu cầu mọi thành viên phải tham gia. GV có thể thiết kế những nhiệm vụ như phân tích tình huống sư phạm, xử lý các vấn đề giáo dục, xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế hoạt động dạy học, ... Với những nhiệm vụ như vậy, SV không chỉ vận dụng kiến thức của học phần mà còn phải trao đổi, bảo vệ quan điểm, lắng nghe ý kiến khác biệt, cùng lựa chọn phương án và thống nhất cách giải quyết. Chính quá trình ấy mới là môi trường trực tiếp để năng lực LVN được hình thành và phát triển.

Giảng viên cần hướng dẫn SV cách LVN, bởi không thể mặc nhiên cho rằng SV đã có sẵn kỹ năng này. Trước khi bắt đầu một nhiệm vụ, GV cần cùng SV xác định mục tiêu, yêu cầu sản phẩm, tiến trình thực hiện và tiêu chí đánh giá. Trong quá trình triển khai, cần hướng dẫn cách lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, trao đổi thông tin, phối hợp công việc, kiểm soát tiến độ và tổng hợp kết quả. Có như vậy, LVN mới dần trở thành một thói quen học tập.

Một vấn đề khác cần được chú trọng là rèn luyện năng lực điều hành của nhóm trưởng. Nhóm trưởng không nên chỉ là người nhận nhiệm vụ từ GV rồi phân chia công việc cho các thành viên. Vai trò này cần được hiểu rộng hơn: biết tổ chức tiến trình làm việc, điều phối sự tham gia, khuyến khích những thành viên còn ít nói, theo dõi tiến độ và cùng nhóm xử lý những khó khăn phát sinh. Mặt khác cần luân phiên để ai cũng có cơ hội thử sức, học cách điều phối, học cách kết nối các thành viên và gỡ rối những mâu thuẫn nảy sinh. Điều này thực tế hơn rất nhiều so với những giáo trình lý thuyết.

Việc tổ chức nhóm cũng cần được GV chú ý thực hiện dựa theo mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, sĩ số lớp và đặc điểm của SV. Đối với những nhiệm vụ như thảo luận, giải quyết vấn đề hoặc thiết kế sản phẩm học tập, nhóm khoảng 4–6 SV thường tạo được sự cân bằng tương đối giữa khả năng tương tác và cơ hội tham gia của từng thành viên. Nhóm quá đông dễ dẫn đến tình trạng một số SV đứng ngoài quá trình thảo luận; ngược lại, nhóm quá ít có thể hạn chế sự đa dạng của ý kiến. GV phải cực kỳ tinh ý để ngăn chặn việc nhóm chỉ hoạt động trên danh nghĩa hoặc chỉ dựa dẫm vào vài bạn giỏi.

Giảng viên cũng cần chú ý theo dõi, hỗ trợ, đánh giá quá trình LVN của SV. Đừng chỉ nhìn vào sản phẩm cuối cùng là xong. Hãy đánh giá cả quá trình: mức độ đóng góp, sự nhiệt tình, khả năng phối hợp. Thấy cô nên kết hợp giữa việc tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá từ phía GV. Quan trọng là tiêu chí phải rõ ràng ngay từ đầu để các em biết mình cần làm gì. Mục đích cuối cùng không phải là điểm số mà là biến lớp học thành môi trường thực chiến, nơi các em rèn giữa bản lĩnh để bước vào nghề giáo với một tâm thế tự tin nhất.

2.4.3. Đối với sinh viên

Để nâng cao hiệu quả LVN trong học phần Giáo dục học tiểu học, trước hết SV cần nhận thức đúng vai trò của hoạt động nhóm đối với việc hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và chuẩn bị cho công việc giảng dạy sau này. Mỗi SV cần xác định rõ trách nhiệm của mình, chủ động tham gia công việc chung, mạnh dạn đóng góp ý kiến và cùng chịu trách nhiệm về kết quả của nhóm. LVN không nên được hiểu đơn giản là “chia việc cho nhau” mà là cùng nhau thực hiện một nhiệm vụ và cùng hướng tới một kết quả chung.

Trong quá trình hợp tác, SV cần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở và tôn trọng sự khác biệt. Biết lắng nghe, biết chia sẻ và cũng biết tiếp nhận những ý kiến không giống với quan điểm của mình... đó là những kỹ năng tưởng như đơn giản nhưng lại có ý nghĩa rất lớn đối với hiệu quả LVN. Bên cạnh đó, SV cần thường xuyên rèn luyện các kỹ năng thiết yếu như giao tiếp, thuyết trình, lắng nghe tích cực, giải quyết vấn đề.... Việc tích cực tham gia thảo luận, phản biện và trình bày quan điểm sẽ giúp SV không chỉ hiểu bài sâu hơn mà còn từng bước hình thành tư duy độc lập và sự tự tin trong giao tiếp.

Kết quả khảo sát cho thấy hiệu quả LVN của SV vẫn chịu ảnh hưởng bởi một số rào cản như thiếu tự tin, ngại giao tiếp, e ngại bị phê bình, hạn chế về kỹ năng hợp tác, thiếu tinh thần chia sẻ trách nhiệm hoặc còn tâm lý thụ động, ỷ lại. Những khác biệt về quan điểm và khó khăn trong giải quyết mâu thuẫn cũng có thể làm cho hoạt động nhóm kém hiệu quả. Vì vậy, SV cần chủ động khắc phục những hạn chế này bằng cách tăng cường giao tiếp, xây dựng niềm tin và phát huy tinh thần trách nhiệm. Quan trọng hơn, mỗi thành viên cần biết tôn trọng, ghi nhận và hỗ trợ lẫn nhau. Khi mỗi người đều thực sự tham gia, thực sự có trách nhiệm, LVN mới trở thành một quá trình học tập đúng nghĩa và từ những việc rất cụ thể ấy, năng lực hợp tác, giao tiếp và trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên tiểu học cũng từng bước được hình thành.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động LVN trong dạy học học phần Giáo dục học tiểu học của SV khóa D16 GDTH tại Trường Đại học Hoa Lư đã góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của SV, đồng thời tạo cơ hội rèn luyện một số kỹ năng nghề nghiệp quan trọng như giao tiếp, hợp tác, thuyết trình, giải quyết vấn đề và tự học. Đây đều là những năng lực cần thiết đối với SV sư phạm tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, hiệu quả LVN vẫn chưa đồng đều; mức độ tham gia, kỹ năng hợp tác và tinh thần trách nhiệm của SV còn có sự khác biệt. Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến chất lượng lĩnh hội kiến thức cũng như quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đã đề xuất một số giải pháp đối với nhà trường, GV và SV nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động nhóm trong quá trình dạy học. Các giải pháp cần được triển khai đồng bộ, bởi chỉ khi có sự phối hợp giữa môi trường đào tạo, phương pháp tổ chức của GV và ý thức, trách nhiệm của SV thì hiệu quả LVN mới có thể được cải thiện một cách bền vững. Qua đó, hoạt động LVN không chỉ hỗ trợ việc học tập học phần Giáo dục học tiểu học mà còn góp phần hình thành năng lực hợp tác, tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp tương lai.

Có thể nói, LVN không chỉ là một phương thức học tập mà còn là một không gian trải nghiệm nghề nghiệp. Trong quá trình cùng nhau trao đổi, giải quyết vấn đề, chia sẻ trách nhiệm và đi đến thống nhất, SV đang từng bước học cách làm việc như những người giáo viên tương lai. Vì vậy, việc tổ chức và rèn luyện LVN cần được quan tâm thường xuyên hơn... không chỉ trong một học phần mà trong suốt cả quá trình đào tạo ở bậc Đại học.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Thành Hưng (2002). *Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đỗ Mạnh Cường, Đỗ Thị Mỹ Trang (2016). *Kỹ năng học đại học*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Johnson, D. W., Johnson, R. T., & Holubec, E. J. (1990). *Circles of learning: Cooperation in the classroom* (3rd ed.). Interaction Book Company.
- Kozlowski, S. W. J., & Ilgen, D. R. (2006). Enhancing the effectiveness of work groups and teams. *Psychological Science in the Public Interest*, 7(3), 77-124. <https://doi.org/10.1111/j.1529-1006.2006.00030.x>.
- Nguyễn Ngọc Bảo (1995). *Phát triển tính tích cực, tính tự lực của học sinh trong quá trình dạy học: Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ 1993-1996*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thái Du, Nguyễn Thị Lan Quyên (2024). Nâng cao năng lực làm việc nhóm cho sinh viên. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, 2(327), 172-174.
- Nguyễn Văn Cường & Meier, B. (2014). *Lý luận dạy học hiện đại: Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Scarnati, J. T. (2001). On becoming a team player. *Team Performance Management: An International Journal*, 7(1/2), 5-10. <https://doi.org/10.1108/13527590110389501>.

DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CHO TRẺ EM...

Tiếp theo trang 68

3. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp, việc giảng dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa ngày càng được xem là một hướng tiếp cận phù hợp đối với người học nhỏ tuổi. Thay vì tiếp cận ngữ pháp như một hệ thống các quy tắc cần ghi nhớ, cách tiếp cận này đặt các cấu trúc ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp cụ thể, giúp người học hiểu được mối liên hệ giữa hình thức, ý nghĩa và cách sử dụng của ngôn ngữ. Bài viết đã làm rõ cơ sở lý luận của việc dạy ngữ pháp thông qua ngữ cảnh có ý nghĩa, đồng thời phân tích những đặc điểm nhận thức và tâm lý của người học nhỏ tuổi cho thấy sự phù hợp của cách tiếp cận này. Bên cạnh đó, các lợi ích như tăng cường khả năng tiếp thu và ghi nhớ ngữ pháp, nâng cao động lực học tập, thúc đẩy năng lực giao tiếp và hỗ trợ phát triển các kỹ năng ngôn ngữ đã được thảo luận dựa trên các nghiên cứu trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hình thức triển khai trong lớp học như sử dụng tranh ảnh, truyện kể, trò chơi ngôn ngữ và hoạt động đóng vai nhằm tạo ra những ngữ cảnh học tập gần gũi, hấp dẫn và có ý nghĩa đối với người học. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả tối ưu, GV cần lựa chọn ngữ cảnh phù hợp với độ tuổi, trình độ và nhu cầu của HS, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa việc chú trọng ý nghĩa giao tiếp và việc hướng dẫn người học nhận biết các đặc điểm ngôn ngữ cần thiết. Trong tương lai, cần có thêm các nghiên cứu thực nghiệm về hiệu quả của các hình thức dạy học ngữ pháp theo ngữ cảnh đối với từng nhóm đối tượng người học cụ thể. Điều này sẽ góp phần cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc thiết kế và triển khai các chương trình giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.

Tài liệu tham khảo

- Cameron, L. (2001). *Teaching languages to young learners*. Cambridge University Press.
- Chatterjee, A., & Halder, S. (2022). Teaching grammar in context: Enhancing communicative competence in English language classrooms. *International Journal of Educational Research and Innovation*, 17, 120-134.
- Chung, Y., & Révész, A. (2024). The role of contextualized input and tasks in children's grammatical development. *Language Teaching Research*, 28(1), 45-67.
- Ellis, R. (2003). *Task-based language learning and teaching*. Oxford University Press.
- Krashen, S. D. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Longman.
- Larsen-Freeman, D. (2003). *Teaching language: From grammar to grammaring*. Heinle.
- Long, M. H. (1991). Focus on form: A design feature in language teaching methodology. In K. de Bot, R. B. Ginsberg, & C. Kramsch (Eds.), *Foreign language research in cross-cultural perspective* (pp. 39-52). John Benjamins.
- Piaget, J., & Inhelder, B. (1972). *The psychology of the child*. Basic Books.
- Pinter, A. (2017). *Teaching young language learners* (2nd ed.). Oxford University Press.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and methods in language teaching* (3rd ed.). Cambridge University Press.